

2896-48

1996

NG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC KX04

ĐỀ TÀI : KX04.04

Nhánh:

BÁO CÁO TỔNG HỢP

CÁC HÌNH THỨC THU HÚT NHIỀU LAO ĐỘNG TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Hà Nội, tháng 6 năm 1994

2896-48

2

NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN:

- Chủ nhiệm đề tài:

PTS. PHẠM VĂN QUANG,

Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách Lao động và Việc làm,
Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

- Thành viên:

1- *PTS. Trịnh Khắc Tâm,*

Chuyên viên Trung tâm nghiên cứu Dân số và Nguồn lao động
Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

2- *PTS. Phan Thị Thanh,*

Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Lao động nữ,
Viện Khoa học lao động và Các vấn đề xã hội.

3- *KS. Vũ Thị Hiếu,*

Chuyên viên Vụ Bảo trợ xã hội,
Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

4- *KS. Đào Văn Tiến,*

Chuyên viên Vụ Chính sách Lao động và Việc làm,
Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

* *
*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG QUAN

ĐẶT VẤN ĐỀ

CHƯƠNG I: CÁC HÌNH THỨC HỘI, HIỆP HỘI KINH TẾ VỚI VẤN ĐỀ TẠO VIỆC LÀM.

Phần I:

- I. Khái quát chung.
- II. Mô hình tổ chức hoạt động.
- III. Phát triển hội viên tạo việc làm
- IV. Vấn đề tạo nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn; tổ chức sản xuất kinh doanh.

Phần II:

- I. Những quan điểm chung và giải pháp.
- II. Khuyến nghị các biện pháp chính.

CHƯƠNG II: PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ TRUYỀN THỐNG - TẠO MỞ VIỆC LÀM Ở VIỆT NAM.

- I. Vị trí, vai trò của nghề truyền thống trong nền sản xuất xã hội tạo mở việc làm.
- II. Hiện trạng sản xuất nghề truyền thống.
 - A. Sơ lược quá trình phát triển ngành nghề truyền thống và một số chính sách được áp dụng trong thời Pháp thuộc.
 - B. Hiện trạng sản xuất của các nghề truyền thống.
- III. Một số phương hướng và khuyến nghị đối với ngành nghề truyền thống.

CHƯƠNG III: KINH TẾ ĐẠI CHÚNG VỚI VẤN ĐỀ TẠO MỞ VIỆC LÀM Ở VIỆT NAM.

- I. Đặt vấn đề.
- II. Một số nét nghiên cứu vấn đề kinh tế đại chúng hiện nay trên thế giới.
- III. Kinh tế đại chúng Việt Nam.
- IV. Khuyến nghị và giải pháp.

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THANH NIÊN XÂY DỰNG KINH TẾ.

- I. Những yêu cầu khách quan tác động đến vấn đề giải quyết việc làm cho thanh niên.
- II. Mô hình tổ chức thanh niên xung phong - xây dựng kinh tế.
 - 1/- Khái quát quá trình hình thành và hoạt động.
 - 2/- Đánh giá chung.
- III. Một số giải pháp và khuyến nghị.
 - 1/- Về quan điểm mang tính chất định hướng.
 - 2/- Về một số giải pháp cụ thể.

CHƯƠNG V: PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ TẠO VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG VÙNG VEN BIỂN.

- I. Mở đầu.
- II. Khuyến khích phát triển các ngành nghề tạo mở việc làm vùng ven biển Việt Nam.
 - 1/- Tăng lao động để phát triển nghề đánh bắt tuyến khơi và lộng.
 - 2/- Phát triển chế biến giải quyết việc làm cho lao động nữ.
 - 3/- Đẩy mạnh nuôi trồng các loại hải sản có giá trị kinh tế.
 - 4/- Phát triển dịch vụ du lịch biển.
 - 5/- Đẩy mạnh khai thác khoáng sản biển.
 - 6/- Phát triển mạnh mẽ lâm nghiệp.
- III. Một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề, tạo việc làm ở vùng ven biển.
 - 1/- Chính sách đào tạo và dạy nghề.
 - 2/- Hoàn thiện chính sách và biện pháp tạo vốn.
 - 3/- Chính sách thuế ưu đãi vùng ven biển.
 - 4/- Mô hình việc làm thích hợp vùng ven biển.

* *

*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ sau Đại hội IV của Đảng, Nhà nước ta đã chủ trương đổi mới nền kinh tế với nội dung cơ bản là chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, sang nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước bằng luật pháp và các chính sách kinh tế xã hội vĩ mô trong việc phát triển nền kinh tế hành hóa với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế và nhiều hình thức sản xuất kinh doanh, đồng thời mở rộng nền kinh tế thương mại, hòa nhập vào thị trường thế giới.

Cùng với quá trình đổi mới, chúng ta đã từng bước thừa nhận và khẳng định vị trí của thị trường hàng hóa nói chung, thị trường tư liệu sản xuất, thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường công nghệ... Trong bối cảnh đó, thị trường lao động không thể là điều cấm kỵ, là cái ngưỡng không thể vượt qua trong tư duy kinh tế cũng như trong việc hoạch định các chính sách thuộc lĩnh vực lao động và việc làm.

Việc chuyển đổi nền kinh tế đã tạo ra những điều kiện tiền đề cho nhiều hình thức hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển và tạo ra nhiều chỗ làm việc mới, thu hút nhiều lao động. Những hình thức này có vai trò không nhỏ trong việc khắc phục hậu quả của đời sống kinh tế-xã hội trong thời kỳ lạm phát, đặc biệt là vai trò của nó trong việc khắc phục tình trạng thất nghiệp, tình trạng thiếu việc làm; Các hình thức này cũng đóng vai trò đặc biệt trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng ở các vùng kinh tế mới, trong việc chuyển giao công nghệ, trong việc "hứng đỡ", lực lượng lao động mất việc từ khu vực kinh tế Nhà nước và trong việc mở mang các ngành nghề, các mô hình việc làm mới.

Các hình thức thu hút nhiều lao động là các hình thức tất yếu tồn tại trong giai đoạn đầu của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên cũng có hình thức chỉ có vai trò lịch sử của nó (thanh niên xung phong...), song cũng có những hình thức không thể mất đi mà chỉ có thể hoàn thiện và thu hẹp (KTĐC), hoặc cũng có thể có hình thức sẽ tham gia vào khu vực kinh tế chính thống của Quốc gia.

Trong bối cảnh cụ thể ở nước ta với những bức xúc về việc làm trong giai đoạn hiện nay thì những hình thức thu hút này cần phải được đánh giá, khẳng định đúng với vai trò của nó để có chính sách kinh tế xã hội nhằm khuyến khích sự phát triển hay tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho từng hình thức của nó. Đó là nhiệm vụ nghiên cứu của nhánh đề tài.

Tuy nhiên cũng phải thừa nhận một thực tế là nền kinh tế thị trường của nước ta đang ở trong quá trình hình thành, xác lập và chưa hoàn chỉnh, nhiều hình thức sản xuất, kinh doanh tuy có sức hút lớn lực lượng lao động nhưng vẫn

chưa được thừa nhận (KTĐC), hoặc mới ở thời kỳ phôi thai (Hội, Hiệp hội, tự do di chuyển lao động và hành nghề...) vì thế cơ sở dữ liệu để có thể phân tích so sánh để rút ra những luận cứ khoa học để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp chính sách còn rất nghèo nàn làm trở ngại cho quá trình nghiên cứu và luận giải. Song nhánh đề tài cũng cố gắng trong phạm vi có thể của dữ liệu để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, và vì thế không thể tránh khỏi những khiếm khuyết.

CHƯƠNG I

CÁC HÌNH THỨC HỘI, HIỆP HỘI KINH TẾ VỚI VẤN ĐỀ TẠO VIỆC LÀM CHO LDXH

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

I- KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đối tượng, mục tiêu và phạm vi nghiên cứu.

a) Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu.

Những năm gần đây, nền kinh tế nước ta phát triển theo hướng tích cực hơn. Cùng với sự phát triển đa dạng của nền kinh tế, trong cơ cấu xã hội-chính trị-kinh tế ra đời những tổ chức, những đoàn thể quần chúng tự nguyện đại diện cho tiếng nói và quyền lợi của nhiều tầng lớp nhân dân khác nhau có chung nghề nghiệp hoặc có cùng ý chí, nguyện vọng hoạt động trên các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, kinh tế, văn hóa nghệ thuật, y tế, xã hội..., phấn đấu cho mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích của đất nước và của bản thân họ (người lao động). Những tổ chức đoàn thể đó thường mang tên: Hội, Liên hiệp hội (như Hội những người làm vườn Việt Nam (gọi tắt là Hội làm vườn); Hội nuôi ong Việt Nam; Hội xây dựng Việt Nam...; và bao trùm toàn bộ là Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam). Các Hội này chủ yếu làm chức năng phổ biến khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, thông tin, hướng dẫn cách làm ăn, trợ giúp vốn, làm các công việc dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm... Các hoạt động trên gắn liền với chức năng hoạt động kinh tế, tạo việc làm, thu hút mọi người lao động xã hội và cải thiện đời sống.

Đặc điểm chủ yếu của các Hiệp hội là hoạt động mang tính chất tập thể và tự nguyện; có bộ máy tổ chức pháp nhân. Các nguồn kinh phí hoạt động; các nguồn đầu tư và tổ chức sản xuất kinh doanh đều do các thành viên thực hiện (là chủ yếu). Đây là những hình thức rất thích hợp tạo việc làm, thu hút lao động ở mọi lứa tuổi..., đặc biệt ở các Hội làm vườn, Hội nuôi ong, Hội y học cổ truyền...

Trong điều kiện phát triển đa dạng của nền kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường thì các Hiệp, Hội phát triển kinh tế và kỹ thuật sẽ ngày càng được chú trọng và phát triển. Do vậy việc nghiên cứu các hình thức Hiệp, Hội tạo mở việc làm là cần thiết.

b) Mục đích và nội dung nghiên cứu.

Đề tài này nhằm giải quyết một số mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Làm rõ tính tất yếu và sự phát triển của loại hình kinh tế, kỹ thuật này trong việc tạo mở việc làm và thu hút nguồn lao động xã hội.
- Xác định, phân loại và đánh giá các mô hình và hình thức tổ chức, quản lý hoạt động kinh tế và kỹ thuật, chuyển giao công nghệ..., thu hút và sử dụng các nguồn vốn đầu tư; phát triển hội viên và sử dụng lao động... nhằm làm rõ tính đặc thù của loại hình phát triển kinh tế và khả năng tạo mở việc làm và thu hút LĐXH.
- Đề xuất phát các quan điểm phát triển, các hình thức tổ chức và hoạt động có hiệu quả; các biện pháp và chính sách kinh tế, xã hội, đầu tư... nhằm trợ giúp và khuyến khích các Hội, Hiệp hội phát triển góp phần vào giải quyết việc làm và phát triển kinh tế-xã hội.

c) Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

- Tập trung nghiên cứu ở các Hiệp hội, Hội với chức năng hoạt động trên lĩnh vực: kinh tế và kỹ thuật trong các ngành kinh tế chủ yếu có khả năng thu hút nhiều việc làm (như ngành Nông, Lâm nghiệp, Xây dựng...).
- Nghiên cứu ở các tổ chức Hội, Hiệp hội và các hội viên được coi là những mô hình phát triển tốt.

d) Phương pháp nghiên cứu

- Điều tra, nghiên cứu trực tiếp tại các tổ chức và cơ sở của Hội và hội viên (phiếu điều tra+nội dung quan tâm).
- Phương pháp chuyên gia (hội thảo, phiếu phỏng vấn chuyên đề).
- Nghiên cứu, thu thập tổng hợp các nguồn số liệu.

2. Hình thành và phát triển của các Hiệp hội

Hệ thống Hội, Hiệp hội hiện nay rất đa dạng và phát triển ngày càng rộng.

a) Các Hội phát triển khoa học kỹ thuật và kinh tế

- Các Hội phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật đều tập hợp trong ngôi nhà chung là Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam mà số lượng các Hội hiện nay (1993): 42 Hội, trong đó: 34 Hội ngành Trung ương và 8 Hội địa phương. Các Hội đều có chi nhánh ở các địa phương, các cơ sở sản xuất, các trung tâm nghiên cứu-đào tạo lớn trong cả nước. Tại một số tỉnh đang xúc tiến việc thành lập các Liên hiệp hội khoa học-kỹ thuật địa phương.

Một số Hội như Hội làm vườn Việt Nam, Hội y học cổ truyền Việt Nam, Hội nuôi ong Việt Nam có mạng lưới tỏa rộng xuống nông thôn và thực sự có tác động mạnh mẽ tới đời sống kinh tế-xã hội của nhiều vùng, nhiều khu vực rộng lớn.

- Đi đôi với sự phát triển thêm các Hội lớn, sự phát triển mạnh mẽ của các Hội chuyên ngành trực thuộc các Hội Trung ương, các Hội chuyên ngành hẹp hoặc các phân Hội, chi nhánh và ở các tỉnh, thành phố đã tạo ra một mạng lưới tổ chức Hội rộng trong địa bàn cả nước. Thống kê 15 Hội chủ yếu có ý nghĩa kinh tế và tạo mở việc làm (1993) đã lên tới 198.000 người với 4300 phân Hội, chi Hội từ cấp ngành Trung ương tới địa phương. Ước tính số hội viên của tất cả các tổ chức Hội, Hiệp hội kinh tế và khoa học kỹ thuật có thể lên tới 30 vạn người.

Một số Hội như: Hội tin học, Hội VTĐT, Hội năng lượng... do đặc điểm của Hội nên chỉ có các cơ sở tập trung ở Trung ương và một số thành phố lớn và phát triển mạnh mẽ các hội viên ở trung tâm nghiên cứu khoa học kỹ thuật, các trường đại học và xí nghiệp công nghiệp lớn. Riêng Liên hiệp hội thành phố Hồ Chí Minh đã có đến 27 Hội thành viên trực thuộc.

- Với qui mô hình thức khá đa dạng, với lịch sử hình thành và phát triển sớm-muộn khác nhau, mỗi Hội phát triển tổ chức theo yêu cầu của chức năng nhiệm vụ và tính chất đặc thù trong hoạt động của mình. Để gắn chặt mục tiêu hoạt động của khoa học, kỹ thuật, công nghệ với mục tiêu kinh tế, nhiều Hội tổ chức một số trung tâm hoạt động kinh tế và dịch vụ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới như: Hội xây dựng Việt Nam (có 3 trung tâm thuộc Trung ương Hội; 6 đơn vị trung tâm thuộc các chuyên ngành; 14 trung tâm thuộc các Hội cơ sở); Hội nuôi ong Việt Nam có 2 trung tâm (1 ở Hà nội và 1 ở Đồng nai) và 2 Tổng công ty.
- Sự phát triển không ngừng của hệ thống các Hội về số lượng và chất lượng phản ánh:
 - + Yêu cầu khách quan của phát triển khoa học và kỹ thuật; của phát triển kinh tế-xã hội trong điều kiện mới.
 - + Sự đúng đắn của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong việc phát triển khoa học kỹ thuật, kinh tế, giải quyết những vấn đề xã hội... theo đường lối quần chúng (như chỉ thị số 35-CT/TW về củng cố tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam; Chỉ thị số 331-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường lãnh đạo phát triển nghề vườn...). Thông qua tổ chức Hội, nơi thu hút, tập hợp rộng rãi đội ngũ trí thức, lao động lành nghề cũng như nhiều đối tượng lao động khác hoạt động... trong những tổ chức thoáng và cởi mở tự nguyện và năng động; có ý nghĩa kinh tế-xã hội thiết thực vì mục đích chung của toàn xã hội và bản thân cuộc sống của người lao động.
 - + Góp phần đáp ứng đòi hỏi phát triển của các hình thức hoạt động kinh tế, kỹ thuật; của các thành phần kinh tế; tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Tuy nhiên, sự hình thành và phát triển của các Hội hiện nay vẫn còn tồn tại một số điểm:

- + Có ngành rất quan trọng như: Nông nghiệp-Thủy sản được coi là vị trí hàng đầu của nền KTQD nhưng một số các Hội chuyên ngành chỉ vừa mới được phát triển như Hội chăn nuôi, Hội thú y hoặc chưa được hình thành như Hội thủy sản, các Hiệp hội các cây con chuyên ngành như cao su, cà phê...
- + Sự phát triển của các Hội hoặc Liên hiệp hội ở các địa phương còn chậm. Trong 42 hội viên của Liên hiệp Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam chỉ có 8 Hội địa phương của các tỉnh thành lớn như: Hà nội, Hải phòng, thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ tĩnh, Cần thơ, Kiên giang... Một số trung tâm và tỉnh, thành phố công nghiệp lớn như: Đà nẵng, Biên hòa, Việt-tri, Hòn gai-Cầm phá, Huế, Vũng tàu-Côn đảo... vẫn chưa hình thành Hội hoặc Hiệp hội hoạt động vì khoa học, kỹ thuật, kinh tế và xã hội.

b) Các Hiệp hội sản xuất và kinh doanh

Hình thức Hiệp hội này mới xuất hiện trong vài năm gần đây. Đây là những tổ chức tự nguyện của các nhà sản xuất, kinh doanh hoạt động trên một số lĩnh vực kinh tế quan trọng. Đó là các Hiệp hội như của những người sản xuất và tiêu thụ chè, Hiệp hội các nhà kinh doanh thuốc lá, cà phê, dâu tằm, xuất khẩu gạo...

Các Hiệp hội này ra đời và hoạt động theo luật pháp hiện hành của Nhà nước. Khác với Hiệp hội khoa học, kỹ thuật và kinh tế nêu trên là ở chỗ Hiệp hội của những nhà sản xuất và kinh doanh thường lấy mục tiêu kinh tế và thị trường làm động lực phát triển. Việc tạo môi trường kinh tế và xã hội cho việc thu hút các đối tượng lao động đang cần việc làm bị hạn chế bởi chức năng và phạm vi hoạt động của tổ chức xã hội này. Hiện còn quá ít các thông tin (kinh tế, xã hội...) về hình thức Hiệp hội trên bởi chúng mới được hình thành và phát triển trong thời gian gần đây với qui mô còn nhỏ bé.

II- MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Phân loại Hội theo lĩnh vực hoạt động và ngành kinh tế.

Như phần trên đã trình bày các Hiệp hội phát triển kinh tế và kỹ thuật giúp đỡ việc làm tập hợp chủ yếu dưới ngôi nhà chung là Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (Sơ đồ 1).

Thực tế cho thấy các Hiệp hội kinh tế-kỹ thuật, hoạt động ở một số ngành kinh tế quốc dân chủ yếu như nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng...) và một số Hội trong lĩnh vực hoạt động chuyên ngành khác như: y học, y học cổ truyền... có qui mô hoạt động rộng hơn trong lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật và có ý nghĩa thiết thực hơn trong việc tạo mở việc làm và toàn dụng lao động xã hội.